

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2017/DS-PT
Ngày 08- 8 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DSST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2017/QĐ - PT ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, vắng mặt.

Địa chỉ: 6E đường D, Phường 8, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh P, vắng mặt

Địa chỉ: 29/12E, đường T, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Viện kiểm sát kháng nghị:

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/02/2017 cùng lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn bà Đặng Thị Bạch L trình bày:

Do là chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị Thùy T có cho bà Trần Thị Thanh P vay 03 lần tiền như sau:

Lần 1: Ngày 20/10/2014 bà T cho bà P vay 100.000.000đ, mục đích vay để đầu tư xây nhà trọ, khi vay bà P có làm biên nhận viết tay, việc vay hai bên không xác định thời hạn, lãi suất không ghi trong biên nhận nhưng thỏa thuận 03%/tháng, trong quá trình vay bà P đã đóng lãi cho bà T đến tháng 02/2016, còn vốn gốc đến nay bà P chưa trả.

Lần 2: Ngày 27/5/2015 bà T cho bà P vay 600.000.000đ, bà P có làm biên nhận viết tay, lãi suất cũng thỏa thuận là 03% tháng, thời hạn xác định là 06 tháng bà P sẽ trả lại vốn gốc, khi nhận tiền vay bà P có trừ lại tiền lãi của tháng 6/2015 là 15.000.000đ, do hoàn cảnh khó khăn nên đến tháng 11/2015 là hết hạn vay nhưng bà P không trả được vốn gốc, từ tháng 7/2015 bà P có đóng lãi đến tháng 02/2016 mỗi tháng là 10.000.000đ.

Lần 3: Ngày 16/02/2016 bà T cho bà P vay 100.000.000đ, mục đích vay để nuôi gà, có làm biên nhận viết tay, mỗi ngày bà P trả góp 2.000.000đ và góp được 05 ngày (sau khi nhận tiền) với số tiền 10.000.000đ, sau đó ngưng góp và chuyển sang đóng lãi 03%/tháng, đến tháng 11/2016 bà P có trả được 20.000.000đ sau đó không đóng lãi cho đến nay.

Bà T nhiều lần liên hệ bà P để yêu cầu trả lại tiền nhưng đến nay bà P vẫn không trả. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền vốn gốc của ba lần vay là 770.000.000đ và tiền lãi 155.500.000đ (tạm tính đến tháng 02/2017) và tiếp tục tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm. Tại tòa trường trình ngày 28/4/2017 và 22/5/2017 bà T có thay đổi một phần yêu cầu về tính lãi suất, mức lãi yêu cầu được tính 1,125%/tháng tương ứng thời gian của ba lần vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 128.377.500đ. Cụ thể, tiền lãi bà T yêu cầu được tính như sau:

Lần 1: 100.000.000đ tính từ 01/3/2016 đến xử sơ thẩm (22/5/2017)

$100.000.000đ \times 14 \text{ tháng} + 21 \text{ ngày} \times 1,125\%/\text{tháng} = 16.537.500đ$

Lần 2: 600.000.000đ tính từ 01/3/2016 đến xử sơ thẩm (22/5/2017)

$600.000.000đ \times 14 \text{ tháng} + 21 \text{ ngày} \times 1,125\%/\text{tháng} = 99.225.000đ$

Lần 3: 90.000.000đ tính từ 01/3/2016 đến 01/11/2016 (vì sau khi vay bà P có góp được 10.000.000đ nên tính lãi trên số tiền 90.000.000đ)

$$90.000.000\text{đ} \times 08 \text{ tháng} \times 1,125\%/ \text{tháng} = 8.100.000\text{đ}$$

Đến tháng 11/2016 bà P có trả 20.000.000đ nên tính lãi trên số tiền 70.000.000đ từ ngày 30/11/2016 đến xử sơ thẩm (22/5/2017)

$$70.000.000\text{đ} \times 05 \text{ tháng} + 22 \text{ ngày} \times 1,125\%/ \text{tháng} = 4.515.000\text{đ}$$

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 898.377.500đ

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2017/DSST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố V xử, quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 3 điều 36, khoản 1 Điều 39 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T;

Buộc bà Trần Thị Thanh P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 898.377.500đ (Trong đó: tiền gốc 770.000.000đ; tiền lãi 128.377.500đ)

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng các điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị Thanh P phải chịu 44.919.000đ (Bốn mươi bốn triệu, chín trăm mười chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 17.882.000đ (Mười bảy triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰0002322 ngày 21/02/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/6/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V ra quyết định kháng nghị số 10/2017/KNPT-DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V về phần án phí và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T và bị đơn Trần Thị Thanh P đều vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V về phần án phí và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T và bị đơn Trần Thị Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung kháng nghị:

Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T, buộc bị đơn Trần Thị Thanh P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 898.377.500 đồng (trong đó: tiền vốn vay 770.000.000 đồng; tiền lãi 128.377.500 đồng).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Trần Thị Thanh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, nên mức thu bằng 36.000.000 đồng

+ 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn Trần Thị Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.951.325 đồng. Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V tuyên buộc bị đơn Trần Thị Thanh P phải chịu 44.919.000 đồng là không chính xác, gây thiệt hại cho bị đơn Trần Thị Thanh P. Do đó, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đề nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí đối với bị đơn Trần Thị Thanh P là có căn cứ nên chấp nhận và sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự: do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Bị đơn Trần Thị Thanh P phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T 898.377.500 đồng là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng = 38.951.325 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi một ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm 36/2017/DS-ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V về phần án phí.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 3 điều 36, khoản 1 Điều 39 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T;

Buộc bà Trần Thị Thanh P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 898.377.500đ (Trong đó: tiền gốc 770.000.000đ; tiền lãi 128.377.500đ)

2/ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị Thanh P phải chịu 38.951.325 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi một ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 17.882.000đ (Mười bảy triệu tám trăm tám mươi hai ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0002322 ngày 21/02/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND TPV: 01b;
- CC THADS TPV: 01b;
- Các đs: 02b;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tâm